HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Xét Tờ trình số 18387/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ nguồn ngân sách địa phương theo khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 20 và khoản 3 Điều 22 Luật Dân số số 113/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân đáp ứng điều kiện hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, cung cấp dịch vụ và thực hiện các chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con

1. Mức hỗ trợ tài chính khi sinh con là 2.500.000 đồng/người đối với phụ nữ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người (có dân số dưới 10.000 người).

b) Phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi.

2. Phụ nữ đồng thời thuộc cả hai trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi sinh con chỉ được hưởng một mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này; không cộng dồn mức hỗ trợ đối với cùng một lần sinh con theo quy định của Chính phủ.

3. Việc thực hiện chính sách quy định tại Điều này không làm hạn chế quyền hưởng chính sách hỗ trợ khi sinh con của đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hỗ trợ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

1. Đối tượng hỗ trợ: nam, nữ trước khi kết hôn chưa được thanh toán cùng nội dung dịch vụ từ chương trình mục tiêu quốc gia, bảo hiểm y tế hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nội dung hỗ trợ: tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế tại cơ sở y tế công lập có đủ điều kiện hoạt động.

3. Mức hỗ trợ: 100% chi phí dịch vụ thuộc phạm vi hỗ trợ, tính theo giá dịch vụ tại cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quyết định, không vượt quá chi phí thực tế hợp pháp; hỗ trợ một lần/người.

4. Việc thanh toán thực hiện trên cơ sở hồ sơ, chứng từ hợp pháp; không thanh toán trùng cùng nội dung dịch vụ.

Điều 5. Hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

1. Đối tượng hỗ trợ là người có nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Dân số. Địa bàn được xác định theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành còn hiệu lực tại thời điểm hỗ trợ.

2. Nội dung hỗ trợ: cấp miễn phí dụng cụ tử cung, thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai, viên uống tránh thai, bao cao su và hỗ trợ chi phí đặt, tháo dụng cụ tử cung, cấy hoặc tháo thuốc cấy tránh thai và tiêm thuốc tránh thai theo hướng dẫn, chỉ định chuyên môn.

3. Số lượng, thời gian cấp phát phương tiện tránh thai căn cứ nhu cầu đăng ký, thời hạn sử dụng của từng loại phương tiện bảo đảm người thụ hưởng được tư vấn, lựa chọn biện pháp phù hợp, không cấp phát trùng cùng nhu cầu.

4. Chi phí dịch vụ được thanh toán theo giá dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền quyết định và chi phí thực tế hợp pháp. Việc mua sắm, tiếp nhận, quản lý, cấp phát, thanh toán theo quy định pháp luật hiện hành; không thanh toán trùng từ các nguồn kinh phí.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này theo phân cấp ngân sách nhà nước và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Kinh phí thuộc chương trình mục tiêu quốc gia được quản lý, sử dụng theo phạm vi, đối tượng, nội dung và dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ngân sách địa phương chỉ chi phần chính sách thuộc trách nhiệm địa phương chưa được nguồn kinh phí khác thanh toán.

3. Việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; không thanh toán trùng một nội dung hỗ trợ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 9 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung